

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DSST

Ngày: 18/9/2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Hồng Dung**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

Ông Võ Thành Hưng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhũ** - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2018/TLST - DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn X**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền là ông **Nguyễn Kỳ Việt C** - Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018. (có mặt).

Địa chỉ: Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Võ Hoàng G**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu đô thị M, phường H, quận C, Tp. Cần Thơ. (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thanh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Ông H có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện ủy quyền của nguyên đơn - ông **Nguyễn Kỳ Việt C** trình bày:* Ông Trần Văn X có thuê ông Võ Hoàng G thi công căn nhà ở gia đình tại phường Lê Bình, quận C, thành phố Cần Thơ. Quá trình thi công ông G đã ứng của nguyên đơn số tiền là 6.961.000.000đ. Sau khi hoàn thành công trình, ngày 08/7/2017, ông X và ông G đã đối chiếu và cộng các chi phí thi công thì công trình chi số tiền là 6.453.814.250đ. Số tiền chênh lệch là 507.185.750đ. Ông G có viết tờ xác nhận còn nợ lại ông X số tiền 507.185.750đ và cam kết sau 30 ngày sẽ thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên, hết thời hạn cam kết và đến nay ông G vẫn không thanh toán và không có ý kiến gì về số nợ này. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông G thanh toán cho nguyên đơn số tiền 507.185.750đ và tiền lãi tính từ tháng 8/2017 đến tháng 9/2018, lãi suất là 1%/tháng, tổng cộng là 13 tháng lãi, $(507.185.750đ \times 1\% \times 13) = 65.071.857đ$. Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 568.048.040đ (Năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng).

** Bị đơn ông **Võ Hoàng G** trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, việc tính toán các chi phí xây dựng công trình đó là do ông X và ông H tính. Trong tờ xác nhận ông chỉ cam kết là sau 30 ngày sẽ có ý kiến về số tiền chênh lệch chứ không phải cam kết trong vòng 30 ngày. Ông đã liệt kê các chi phí đáng ra nhà thầu xây dựng phải được hưởng theo quy định của Quyết định số 79 ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng nhưng khi xây dựng công trình này ông không được hưởng các khoản tiền đó. Ông trình bày để tòa xem xét, còn yêu cầu phản tố thì ông chưa quyết định là có yêu cầu phản tố hay không.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Trần Thanh H** có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt như sau:* Gia đình ông Trần Văn X có nhu cầu xây dựng căn nhà ở tại phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên ông X có yêu cầu ông G thi công căn nhà trên. Sau khi hoàn thiện căn nhà thì hai bên có ngồi lại để tính toán tất cả chi phí. Tổng số tiền chi cho việc thi công nhà là 6.453.814.250đ. Tiền ông X đã cho ông G tạm ứng trước đó là 6.961.000.000đ. Số tiền chênh lệch là 507.185.750đ. Ông G đã ký tên xác nhận còn nợ lại ông X số tiền trên.

Do vụ án không hòa giải thành nên đưa ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu; bị đơn giữ nguyên ý kiến.

*** Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên:**

Về tố tụng: Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đầy đủ tư cách các đương sự, thu thập chứng cứ đúng qui định, hòa giải công bố chứng cứ đúng luật, gửi hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện đúng hạn, đưa ra xét xử đúng qui định. Nhìn chung chưa phát hiện vi phạm, nên không có kiến nghị.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ, căn cứ tờ xác nhận ngày 08/7/2017 có đủ căn cứ để buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, nội dung tờ xác nhận không thể hiện việc vi phạm nghĩa vụ nên không thể tính lãi. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày tranh luận tại phiên tòa, ý kiến nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

1. Về thẩm quyền: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, trình bày của bị đơn cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có ký tờ xác nhận, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện. Xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- **Về số nợ:** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại theo tờ xác nhận ngày 08/7/2017 là 507.185.750đ. Bị đơn nại ra rằng tờ xác nhận chỉ là nội dung hẹn sau 30 ngày để xác nhận lại các phần chưa thống nhất và các chi phí vật tư còn thiếu chứ không phải là xác nhận còn nợ tiền. Xét thấy, do nhu cầu xây dựng nhà ở và có mối quan hệ từ trước nên nguyên đơn có nhờ bị đơn thi công công trình nhà ở này. Các bên xác định là khi thỏa thuận miệng không có ký hợp đồng xây dựng. Trong quá trình thi công nguyên đơn sẽ cho bị đơn ứng tiền theo từng công đoạn. Do tin tưởng lẫn nhau nên việc tạm ứng tiền cũng không có làm biên nhận. Đến khi hoàn thành công trình thì các bên có thống kê đối chiếu lại chi phí xây dựng thì phát hiện số tiền thực chi và tạm ứng chênh lệch 507.185.750đ. Bị đơn thừa nhận số tiền đã ứng là 6.961.000.000đ và tổng tiền chi phí là 6.453.814.250đ, còn nợ lại 507.185.750đ. Các bên có ký tên xác nhận ngày 08/7/2017. Tuy nội dung Tờ xác

nhận có ghi là: “*Hẹn sau 30 ngày để xác nhận lại các phần chưa thống nhất và các chi phí vật tư còn thiếu lại.*” nhưng nội dung tờ xác nhận đã thể hiện rõ số tiền tạm ứng và số tiền chi phí cho công trình, số tiền còn nợ lại được ông G thừa nhận. Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền còn thừa cho nguyên đơn là có cơ sở. Việc bị đơn nại ra khi xây dựng công trình nhà ở này theo thông thường sẽ không phải giá 6.453.814.250đ và ông đáng được nhận thêm số tiền 1.799.190.120đ. Tuy nhiên, Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu phản tố và thủ tục để làm đơn phản tố cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện (bút lục 45, 46), nên yêu cầu này của bị đơn Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Từ những nhận định trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi lại tiền của nguyên đơn, bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 507.185.750đ.

- **Về yêu cầu tính lãi:** Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ tháng 8/2017 đến tháng 9/2018, tổng cộng là 13 tháng lãi, $(507.185.750đ \times 1\% \times 13) = 65.071.857đ$. Xét thấy, theo tờ xác nhận ngày 08/7/2017, bị đơn thừa nhận còn nợ 507.185.750đ. Hẹn sau 30 ngày sẽ xác nhận lại nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì về số tiền này và cũng không có xác nhận gì với nguyên đơn. Xét thấy đây là nợ còn thừa của hợp đồng xây dựng chứ không phải là nợ vay, hơn nữa tại tờ xác nhận nợ không thể hiện việc ràng buộc nghĩa vụ thực hiện, từ đó không có cơ sở để tính lãi. Như vậy yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận. Tuy nhiên, để ràng buộc nghĩa vụ trả nợ thì bị phải chịu lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án là phù hợp quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 507.185.750đ. Bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong tại giai đoạn thi hành án.

- **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 184, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 166, 357 Luật Dân sự 2015;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn X.

Buộc bị đơn ông Võ Hoàng G trả cho nguyên đơn số tiền 507.185.750đ (Năm trăm lẻ bảy triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

Bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu 24.287.400đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự.

- Nguyên đơn phải nộp 3.253.500đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.056.500đ theo biên lai thu tiền số 006444 ngày 14/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ thì nguyên đơn được nhận lại 9.803.000đ (Chín triệu tám trăm lẻ ba nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q. C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hồng Dung